

Bản án số: 162/2025/HS-PT

Ngày: 15/4/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Hợp**

Các thẩm phán: Ông **Trần Huy Đức**

Ông **Nguyễn Cường**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Phương Mai**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Thọ Định**, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 45/2025/TLPT-HS ngày 23 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo **Lê Thị Thanh T** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 145/2024/HS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Lê Thị Thanh T; giới tính: Nữ; sinh ngày: 12/7/1968; tại: Tỉnh Bình Định; nơi cư trú: **Thôn F, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 4/12; con ông **Lê Đức H**, sinh năm 1947 và bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1945; có chồng là **Đỗ Văn H1**, sinh năm 1972; có 02 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Tạm giam tại Trại tạm giam **Công an tỉnh Đ**. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Ông **Phan Thanh S** – Luật sư **Văn phòng L2** – **Đoàn Luật sư tỉnh Đ**; địa chỉ: **B H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2015, **Lê Thị Thanh T** sinh năm 1968, trú tại **Thôn F, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk** đứng ra tổ chức chơi hội tại nơi sinh sống để hưởng tiền hoa hồng. Thời gian này **T** nhận tiền đóng hội và trả hội đầy đủ, đúng hạn cho những người tham gia chơi hội nên tạo được lòng tin cho người chơi. Đến năm 2018, **T** mở một cửa hàng tạp hóa tại nhà để kinh doanh, do việc kinh doanh thua lỗ và chi tiêu cá nhân, sinh hoạt gia đình mất kiểm soát dẫn đến phát sinh nợ, nên **T** đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của người tham gia chơi hội bằng cách lập ra các dây hội khống cụ thể: Từ tháng 02/2022 đến tháng 03/2023 âm lịch (tức tháng 3/2022 đến tháng 4/2023 dương lịch), **T** lập ra 22 dây hội khống với các phần hội từ 1.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng để rủ 26 người tham gia chơi. Hàng tháng những người tham gia chơi hội sẽ đóng tiền cho **T** theo thể thức mà **T** và những người này đã thống nhất, như sau: Dây hội có phần hội 1.000.000 đồng hàng tháng người chơi sẽ đóng số tiền 800.000 đồng, dây hội có phần hội 2.000.000 đồng sẽ đóng 1.600.000 đồng, dây hội có phần hội 3.000.000 đồng sẽ đóng 2.500.000 đồng, dây hội có phần hội 5.000.000 đồng sẽ đóng 4.000.000 đồng và dây hội có phần hội 10.000.000 đồng sẽ đóng 8.000.000 đồng, người nào rút hội trước thì những tháng tiếp theo sẽ phải đóng đủ phần hội theo quy định và phần chênh lệch sẽ được chia cho những người rút hội ở những tháng tiếp theo. Do đó những người chơi hội vì muốn có thêm tiền lời nên đều muốn rút hội cuối cùng. Tuy nhiên đến kỳ hạn trả hội **T** không trả hội cho người chơi nào mà nói dối là đã có người khác đăng ký nhận hội hoặc cho người khác nhận trước để trả nợ, để làm đám cưới cho con... nhằm chiếm đoạt số tiền đóng hội của những người chơi. Tháng 4/2023, do đã sử dụng hết tiền chiếm đoạt vào mục đích cá nhân và bị nhiều người đến đòi tiền đóng hội dẫn đến mất khả năng thanh toán nên **T** tuyên bố vỡ hội. Tổng số tiền **T** chiếm đoạt của 26 người tại thời điểm tuyên bố vỡ hội là **2.200.000.000 đồng** (*Hai tỷ hai trăm triệu đồng*), cụ thể:

1. Bà **Lê Thị T1** sinh năm 1986, trú tại **Thôn E, xã E, huyện B** tham gia 01 dây hội từ tháng 5/2022 đến tháng 02/2023 âm lịch (tức tháng 6/2022 đến tháng 03/2023 dương lịch), phần hội 5.000.000 đồng, đã đóng được 11 tháng, dây hội này bà **T1** và bị can **T** chung nhau nên mỗi tháng bà **T1** đóng 2.000.000 đồng. Thời điểm vỡ hội **T** chiếm đoạt số tiền 22.000.000 đồng (*Hai mươi hai triệu đồng*).

2. Bà **Dương Thị L** sinh năm 1987, trú tại **Thôn E, xã E, huyện B** tham gia 03 dây hội gồm: Dây hội từ tháng 3/2022 đến tháng 02/2023 âm lịch (tức tháng 04/2022 đến tháng 03/2023 dương lịch), phần hội 5.000.000 đồng, đã đóng được 12 tháng; dây hội từ tháng 7/2022 đến tháng 02/2023 âm lịch (tức tháng 8/2022 đến tháng 03/2023 dương lịch), phần hội 5.000.000 đồng, đã đóng được 9 tháng;

dây hội từ tháng 10/2022 đến tháng 02/2023 âm lịch (tức tháng 11/2022 đến tháng 3/2023 dương lịch), phần hội 10.000.000 đồng, đã đóng được 6 tháng. Thời điểm vỡ hội T chiếm đoạt số tiền 132.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi hai triệu đồng*).

3. Bà Huỳnh Thị N sinh năm 1989, trú tại Thôn F, xã E, huyện B tham gia 01 dây hội từ tháng 5/2022 đến tháng 01/2023 âm lịch (tức tháng 6/2022 đến tháng 02/2023 âm lịch), phần hội 5.000.000 đồng, đã đóng được 9 tháng. Thời điểm vỡ hội T chiếm đoạt số tiền 36.000.000 đồng (*Ba mươi sáu triệu đồng*).

4. Bà Bùi Thị M1 sinh năm 1964, trú tại Thôn F, xã E, huyện B tham gia 03 dây hội gồm: Dây hội từ tháng 7/2022 đến tháng 02/2023 âm lịch (tức tháng 8/2022 đến tháng 03/2023 dương lịch), phần hội 10.000.000 đồng, đã đóng được 9 tháng; dây hội từ tháng 10/2022 đến tháng 11/2022 âm lịch (tức tháng 11/2022 đến tháng 12/2022 dương lịch), phần hội 10.000.000 đồng, đã đóng được 2 tháng; dây hội từ tháng 12/2022 đến tháng 01/2023 âm lịch (tức tháng 01/2023 đến tháng 02/2023 dương lịch), phần hội 5.000.000 đồng, đã đóng được 2 tháng. Thời điểm vỡ hội T chiếm đoạt số tiền 96.000.000 đồng (*Chín mươi sáu triệu đồng*).

5. Bà Phạm Thị Thủy S1 năm 1982, trú tại Thôn F, xã E, huyện B tham gia 02 dây hội gồm: Dây hội từ tháng 10/2022 đến tháng 02/2023 âm lịch (tức tháng 11/2022 đến tháng 03/2023 dương lịch), phần hội 2.000.000 đồng, đã đóng được 6 tháng; dây hội từ tháng 10/2022 đến tháng 02/2023 âm lịch (tức tháng 11/2022 đến tháng 03/2023 dương lịch), phần hội 5.000.000 đồng, đã đóng được 6 tháng. Thời điểm vỡ hội T chiếm đoạt số tiền 34.200.000 đồng (*Ba mươi bốn triệu hai trăm nghìn đồng*).

6. Bà Huỳnh Thị C sinh năm 1977, trú tại Thôn G, xã E, huyện B tham gia 02 dây hội gồm: Dây hội từ tháng 5/2022 đến tháng 02/2023 âm lịch (tức tháng 6/2022 đến tháng 03/2023 dương lịch), phần hội 5.000.000 đồng, đã đóng được 10 tháng; dây hội từ tháng 10/2022 đến tháng 02/2023 âm lịch (tức tháng 11/2022 đến tháng 03/2023 dương lịch), phần hội 5.000.000 đồng, đã đóng được 6 tháng. Thời điểm vỡ hội T chiếm đoạt số tiền 64.000.000 đồng (*Sáu mươi bốn triệu đồng*).

7. Ông Nguyễn Văn H2 sinh năm 1986, trú tại Thôn F, xã E, huyện B tham gia 01 dây hội từ tháng 5/2022 đến tháng 02/2023 âm lịch (tức tháng 6/2022 đến tháng 03/2023 dương lịch), phần hội 5.000.000 đồng, đã đóng được 10 tháng. Thời điểm vỡ hội T chiếm đoạt số tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*).

8. Bà Trần Thị Kim L1 (N) sinh năm 1963, trú tại Thôn G, xã E, huyện B tham gia 02 dây hội gồm: Dây hội từ tháng 7/2022 đến tháng 02/2023 âm lịch (tức tháng 8/2022 đến tháng 3/2023 dương lịch), phần hội 10.000.000 đồng, đã đóng được 9 tháng; dây hội từ tháng 10/2022 đến tháng 01/2023 âm lịch (tức tháng 11/2022 đến tháng 02/2023 dương lịch), phần hội 10.000.000 đồng, đã

đóng được 4 tháng. Thời điểm vỡ hụi **T** chiếm đoạt số tiền 104.000.000 đồng (*Một trăm lẻ bốn triệu đồng*).

9. Bà **Hoàng Thị B** sinh năm 1959, trú tại **Thôn F, xã E, huyện B** tham gia 01 dây hụi từ tháng 10/2022 đến tháng 02/2023 âm lịch (tức tháng 11/2022 đến tháng 3/2023 dương lịch), phần hụi 5.000.000 đồng, đã đóng được 6 tháng. Thời điểm vỡ hụi **T** chiếm đoạt số tiền 24.000.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu đồng*).

10. Bà **Nguyễn Thị P** (Bé) sinh năm 1974, trú tại **Thôn F, xã E, huyện B** tham gia 02 dây hụi gồm: Dây hụi từ tháng 7/2022 đến tháng 02/2023 âm lịch (tức tháng 8/2022 đến tháng 3/2023 dương lịch), phần hụi 5.000.000 đồng, đã đóng được 8 tháng; dây hụi từ tháng 11/2022 đến tháng 3/2023 âm lịch (tức tháng 12/2022 đến tháng 4/2023 dương lịch), phần hụi 5.000.000 đồng, đã đóng được 5 tháng. Thời điểm vỡ hụi **T** chiếm đoạt số tiền 52.000.000 đồng (*Năm mươi hai triệu đồng*).

11. Bà **Trần Thị C1** sinh năm 1971, trú tại **Thôn F, xã E, huyện B** tham gia 02 dây hụi gồm: Dây hụi từ tháng 9/2022 đến tháng 02/2023 âm lịch (tức tháng 10/2022 đến tháng 3/2023 dương lịch), phần hụi 5.000.000 đồng, đã đóng được 6 tháng và dây hụi từ tháng 12/2022 đến tháng 3/2023 âm lịch (tức tháng 01/2023 đến tháng 4/2023 dương lịch), phần hụi 5.000.000 đồng, đã đóng được 5 tháng. Thời điểm vỡ hụi **T** chiếm đoạt số tiền 44.000.000 đồng (*Bốn mươi bốn triệu đồng*).

12. Bà **Nguyễn Thị T2** sinh năm 1972, trú tại **Buôn Đ, xã C, thành phố B** tham gia 03 dây hụi gồm: Dây hụi từ tháng 5/2022 đến tháng 02/2023 âm lịch (tức tháng 6/2022 đến tháng 3/2023 dương lịch), phần hụi 5.000.000 đồng, đã đóng được 10 tháng; dây hụi từ tháng 5/2022 đến tháng 02/2023 âm lịch (tức tháng 6/2022 đến tháng 3/2023 dương lịch), phần hụi 10.000.000 đồng (đóng 02 chân), đã đóng được 10 tháng; dây hụi từ tháng 7/2022 đến tháng 02/2023 âm lịch (tức tháng 8/2022 đến tháng 3/2023 dương lịch), phần hụi 10.000.000 đồng (đóng 02 chân), đã đóng được 8 tháng. Thời điểm vỡ hụi **T** chiếm đoạt số tiền 328.000.000 đồng (*Ba trăm hai mươi tám triệu đồng*).

13. Bà **Đào Thị Thu N1** sinh năm 1977, trú tại **Thôn E, xã E, huyện B** tham gia 01 dây hụi từ tháng 8/2022 đến tháng 02/2023 âm lịch (tức tháng 9/2022 đến tháng 4/2023 dương lịch), phần hụi 5.000.000 đồng, đã đóng được 8 tháng. Thời điểm vỡ hụi **T** chiếm đoạt số tiền 32.000.000 đồng (*Ba mươi hai triệu đồng*).

14. Bà **Trần Thị Kim H3** sinh năm 1974, trú tại **Thôn E, xã E, huyện B** tham gia 04 dây hụi gồm: Dây hụi từ tháng 5/2022 đến tháng 02/2023 âm lịch (tức tháng 6/2022 đến tháng 3/2023 dương lịch), phần hụi 5.000.000 đồng, đã đóng được 10 tháng; dây hụi từ tháng 5/2022 đến tháng 02/2023 âm lịch (tức tháng 6/2022 đến tháng 3/2023 dương lịch), phần hụi 10.000.000 đồng, đã đóng được 10 tháng; dây hụi từ tháng 7/2022 đến tháng 02/2023 âm lịch (tức tháng 8/2022 đến tháng 3/2023 dương lịch), phần hụi 10.000.000 đồng, đã đóng được

9 tháng; dây hụi từ tháng 01/2023 đến tháng 3/2023 âm lịch (tức tháng 02/2023 đến tháng 4/2023 dương lịch), phần hụi 10.000.000 đồng, đã đóng được 4 tháng. Thời điểm vỡ hụi **T** chiếm đoạt số tiền 224.000.000 đồng (*Hai trăm hai mươi bốn triệu đồng*).

15. Bà **Trần Thị H4** sinh năm 1974, trú tại **Thôn G, xã E, huyện B** tham gia 03 dây hụi gồm: Dây hụi từ tháng 02/2022 đến tháng 02/2023 âm lịch (tức tháng 3/2022 đến tháng 3/2023 dương lịch), phần hụi 3.000.000 đồng đã đóng được 13 tháng; dây hụi từ tháng 12/2022 đến tháng 02/2023 âm lịch (tức tháng 01/2023 đến tháng 3/2023 dương lịch), phần hụi 3.000.000 đồng, đã đóng được 3 tháng; dây hụi từ tháng 11/2022 đến tháng 02/2022 âm lịch (tức tháng 12/2022 đến tháng 3/2023 dương lịch), phần hụi 10.000.000 đồng, đã đóng được 4 tháng. Thời điểm vỡ hụi **T** chiếm đoạt số tiền 72.000.000 đồng (*Bảy mươi hai triệu đồng*).

16. Bà **Trương Thị Thu S2** sinh năm 1972, trú tại **Thôn E, xã E, huyện B** tham gia 02 dây hụi gồm: Dây hụi từ tháng 01/2023 đến tháng 02/2025 âm lịch (tức tháng 02/2023 đến tháng 3/2023 dương lịch), phần hụi 5.000.000 đồng, đã đóng được 2 tháng; dây hụi từ tháng 5/2022 đến tháng 02/2023 âm lịch (tức tháng 6/2022 đến tháng 3/2023 dương lịch), phần hụi 10.000.000 đồng, đã đóng được 10 tháng. Thời điểm vỡ hụi **T** chiếm đoạt số tiền 88.000.000 đồng (*Tám mươi tám triệu đồng*).

17. Bà **Lê Thị Bích T4** sinh năm 1993, trú tại **Thôn E, xã E, huyện B** tham gia 01 dây hụi từ tháng 3/2022 đến tháng 02/2023 âm lịch (tức tháng 4/2022 đến tháng 3/2023 dương lịch), phần hụi 5.000.000 đồng (đóng 02 chân), đã đóng được 12 tháng. Thời điểm vỡ hụi **T** chiếm đoạt số tiền 96.000.000 đồng (*Chín mươi sáu triệu đồng*).

18. Bà **Trần Thị P1** sinh năm 1977, trú tại **Thôn F, xã E, huyện B** tham gia 05 dây hụi gồm: Dây hụi từ tháng 3/2022 đến tháng 02/2023 âm lịch (tức tháng 4/2022 đến tháng 3/2023 dương lịch), phần hụi 1.000.000 đồng (đóng 02 chân), đã đóng được 13 tháng; dây hụi từ tháng 3/2022 đến tháng 01/2023 âm lịch (tức tháng 4/2022 đến tháng 02/2023 dương lịch), phần hụi 3.000.000 đồng, đã đóng được 11 tháng; dây hụi từ tháng 11/2022 đến tháng 02/2023 âm lịch (tức tháng 12/2022 đến tháng 3/2023 dương lịch), phần hụi 3.000.000 đồng, đã đóng được 4 tháng; dây hụi từ tháng 3/2022 đến tháng 01/2023 âm lịch (tức tháng 4/2022 đến tháng 02/2023 dương lịch), phần hụi 5.000.000 đồng, đã đóng được 11 tháng; dây hụi từ tháng 9/2022 đến tháng 12/2022 âm lịch (tức tháng 10/2022 đến tháng 01/2023 dương lịch), phần hụi 5.000.000 đồng, đã đóng được 4 tháng. Thời điểm vỡ hụi **T** chiếm đoạt số tiền 118.300.000 đồng (*Một trăm mười tám triệu ba trăm nghìn đồng*).

19. Bà **Nguyễn Thị Bích K** sinh năm 1987, trú tại **Thôn F, xã E, huyện B** tham gia 02 dây hụi gồm: Dây hụi từ tháng 4/2022 đến tháng 01/2023 âm lịch (tức tháng 5/2022 đến tháng 02/2023 dương lịch), phần hụi 1.000.000 đồng

(đóng 04 chân), đã đóng được 10 tháng; dây hụi từ tháng 10/2022 đến tháng 01/2023 âm lịch (tức tháng 11/2022 đến tháng 02/2023 dương lịch), phần hụi 3.000.000 đồng (đóng 02 chân), đã đóng được 4 tháng. Thời điểm vỡ hụi **T** chiếm đoạt số tiền 52.000.000 đồng (*Năm mươi hai triệu đồng*).

20. Bà **Phan Thị Thủy S3** năm 1970, trú tại **Thôn F, xã E, huyện B** tham gia 01 dây hụi từ tháng 5/2022 đến tháng 02/2023 âm lịch (tức tháng 6/2022 đến tháng 3/2023 dư, phần hụi 10.000.000 đồng, đã đóng được 10 tháng. Thời điểm vỡ hụi **T** chiếm đoạt số tiền 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*).

21. Bà **Hồ Thị Lệ T5** sinh năm 1972, trú tại **TDP A, phường K, Tp .** tham gia 02 dây hụi gồm: Dây hụi từ tháng 6/2022 đến tháng 02/2023 âm lịch (tức tháng 7/2022 đến tháng 3/2023 dương lịch), phần hụi 10.000.000 đồng, đã đóng được 9 tháng; dây hụi từ tháng 11/2022 đến tháng 02/2023 âm lịch (tức tháng 12/2022 đến tháng 3/2023 dương lịch), phần hụi 10.000.000 đồng, đã đóng được 4 tháng. Thời điểm vỡ hụi **T** chiếm đoạt số tiền 104.000.000 đồng (*Một trăm lẻ bốn triệu đồng*).

22. Bà **Nguyễn Thị Thu T6** sinh năm 1973, trú tại **Thôn I, xã E, huyện B** tham gia 03 dây hụi gồm: Dây hụi từ tháng 10/2022 đến tháng 02/2023 âm lịch (tức tháng 11/2022 đến tháng 3/2023 dương lịch), phần hụi 5.000.000 đồng, đã đóng được 5 tháng; dây hụi từ tháng 01/2023 đến tháng 02/2023 âm lịch (tức tháng 02/2023 đến tháng 3/2023 dương lịch), phần hụi 5.000.000 đồng, đã đóng được 2 tháng; dây hụi từ tháng 7/2022 đến tháng 01/2023 âm lịch (tức tháng 8/2022 đến tháng 02/2023 dương lịch), phần hụi 10.000.000 đồng đã đóng được 7 tháng. Thời điểm vỡ hụi **T** chiếm đoạt số tiền 104.000.000 đồng (*Một trăm lẻ bốn triệu đồng*).

23. Bà **Nguyễn Thị Mỹ N2** sinh năm 1981, trú tại **Thôn F, xã E, huyện B** tham gia 03 dây hụi gồm: Dây hụi từ tháng 10/2022 đến tháng 02/2023 âm lịch (tức tháng 11/2022 đến tháng 3/2023 dương lịch), phần hụi 5.000.000 đồng, đã đóng được 6 tháng; dây hụi từ tháng 7/2022 đến tháng 02/2023 âm lịch (tức tháng 8/2022 đến tháng 3/2023 dương lịch), phần hụi 10.000.000 đồng, đã đóng được 8 tháng; dây hụi từ tháng 10/2022 đến tháng 02/2023 âm lịch (tức tháng 11/2022 đến tháng 3/2023 dương lịch), phần hụi 10.000.000 đồng, đã đóng được 5 tháng. Thời điểm vỡ hụi **T** chiếm đoạt số tiền 128.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi tám triệu đồng*).

24. Bà **Nguyễn Thị N3** sinh năm 1976, trú tại **Thôn G, xã E, huyện B** tham gia 02 dây hụi gồm: Dây hụi từ tháng 10/2022 đến tháng 02/2023 âm lịch (tức tháng 11/2022 đến tháng 3/2023 dương lịch), phần hụi 5.000.000 đồng, đã đóng được 6 tháng; dây hụi từ tháng 10/2022 đến tháng 02/2023 âm lịch (tức tháng 11/2022 đến tháng 3/2023 dương lịch), phần hụi 10.000.000 đồng, đã đóng được 6 tháng. Thời điểm vỡ hụi **T** chiếm đoạt số tiền 72.000.000 đồng (*Bảy mươi hai triệu đồng*).

25. Bà **Nguyễn Thị H5** sinh năm 1968, trú tại **Thôn F, xã E, huyện B** tham gia 03 dây hụi, cả 03 dây hụi đều bắt đầu chơi từ tháng 10/2022 đến tháng 02/2023 âm lịch (tức tháng 11/2022 đến tháng 3/2023 dương lịch), phần hụi 3.000.000 đồng, đã đóng được 5 tháng. Thời điểm vỡ hụi **T** chiếm đoạt số tiền 37.500.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*).

26. Bà **Đỗ Thị Kim H6** sinh năm 1968, trú tại **Thôn F, xã E, huyện B** tham gia 01 dây hụi từ tháng 12/2022 đến tháng 02/2023 âm lịch (tức tháng 01/2023 đến tháng 3/2023 dương lịch), phần hụi 5.000.000 đồng, đã đóng được 4 tháng. Thời điểm vỡ hụi **T** chiếm đoạt số tiền 16.000.000 đồng (*Mười sáu triệu đồng*).

Tại Kết luận giám định số 1058 ngày 09/8/2024 của **Phòng K1 Công an tỉnh Đ**, kết luận: Chữ viết trên tài liệu cần giám định kí hiệu A1 (trừ chữ “**Đỗ Văn H1**” tại trang số 1; “còn 196000 cô ti” tại trang số 12) và chữ viết trên tài liệu cần giám định kí hiệu A2, A3 (trừ chữ “phượng”) so với chữ viết mang tên **Lê Thị Thanh T** trên tài liệu mẫu so sánh M1 là do cùng một người viết ra.

Bản cáo trạng số 149/CT-VKSĐL-P2 ngày 04/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo **Lê Thị Thanh Tâm** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Từ những nội dung được xác định nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 145/2024/HS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

[1] Tuyên bố bị cáo **Lê Thị Thanh T** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Lê Thị Thanh T** mức án 14 năm tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 24/6/2024.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phân trách nhiệm dân sự án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26 tháng 12 năm 2024 bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa, bị cáo **Lê Thị Thanh T** giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt

Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa phát biểu quan điểm đối với vụ án như sau:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tiến hành và tham gia tố tụng khác đã thực hiện và tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự;
- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ngày 26 tháng 12 năm 2024, bị cáo **Lê Thị Thanh T** kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 145/2024/HS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt, đơn kháng cáo của bị cáo trong thời hạn quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo: Căn cứ lời khai của bị cáo tại cấp sơ thẩm, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, đủ cơ sở xác định: Do ý thức coi thường pháp luật và động cơ tư lợi cá nhân, nên trong khoảng thời gian từ tháng 3/2022 đến tháng 02/2023, **Lê Thị Thanh T** đã dùng thủ đoạn gian dối lập ra 22 dây hui khổng để lừa 26 người tham gia đóng hui rồi chiếm đoạt. Tổng số tiền **Lê Thị Thanh T** đã chiếm đoạt của các bị hại nêu trên là 2.200.000.000 đồng. Với hành vi trên, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử bị cáo **Lê Thị Thanh T** về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản ”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét về ý thức: Bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức để biết rằng, tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi trái pháp luật xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác đều sẽ bị pháp luật trừng trị, song do tham lam tư lợi và để có tiền tiêu xài, mà bị cáo đã bất chấp pháp luật và cố ý phạm tội.

Xét về tính chất của vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người bị hại; đồng thời còn xâm phạm trật tự công cộng, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an chung của xã hội; do đó, phải có hình phạt thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài để đáp ứng được yêu cầu đấu tranh, phòng chống tội phạm ở địa phương, nhằm răn đe và phòng ngừa tội phạm chung trong toàn xã hội.

[4] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện 26 vụ lừa đảo thuộc trường hợp phạm tội 2 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đã tự nguyện và tác động gia đình bồi thường khắc phục một phần hậu quả cho 23 bị hại được tổng số tiền 1.322.600.000 đồng; đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bên cạnh đó, một số bị hại đã có đơn xin rút tố cáo và đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo (Huỳnh Thị N, Huỳnh Thị C, Nguyễn Văn H7, Hoàng Thị B, Trần Thị Kim H3, Trần Thị H4, Lê Thị Bích T4, Phan Thị T7), đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Toà án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo cũng như xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhân thân của bị cáo để áp dụng các điều luật quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo là phù hợp. Từ đó, Toà án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo **Lê Thị Thanh T** 14 (mười bốn) năm tù là phù hợp, không nặng.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có thêm chứng cứ gì mới. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo cần giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

[5] Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo **Lê Thị Thanh T8** phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Lê Thị Thanh T** giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 145/2024/HS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Lê Thị Thanh T** mức án 14 (mười bốn) năm tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 24/6/2024.

3. Về án phí: Bị cáo **Lê Thị Thanh T** phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC - Vụ I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THA dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam thuộc CA tỉnh Đắk Lắk
(02 bản để giao cho bị cáo 01 bản);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Hợp